

Bản án số: 77/2021/KDTM-ST

Ngày: 30-12-2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Diệp Linh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Phúc Tuấn

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thùy Ninh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 28/2020/TLST-KDTM ngày 08 tháng 06 năm 2020 về *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Ngân hàng N (NBank).** Địa chỉ trụ sở: Số 02 phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Tuấn A - sinh năm 1985. (có mặt).

**\* Bị đơn: Công ty Cổ phần X.** Địa chỉ trụ sở: Số 91, ngõ 383, đường N, Phường H, Quận M, Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Văn H** - Giám đốc (vắng mặt)

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1972 (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Thiện L, sinh năm 1997 (con ông Đ, bà O) (vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Nhật H, sinh năm 2000 (con ông Đ, bà O) (vắng mặt)  
Đều trú tại: Số nhà 11, ngõ Chùa, Tổ 11, Phường P, Quận H, Hà Nội.  
Bà O, anh L, chị H đều ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### ***Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn trình bày:***

\* Ngân hàng N - Chi nhánh Hà Tây (sau đây gọi tắt là “NBank Chi nhánh Hà Tây”) và Công ty Cổ phần X (sau đây gọi tắt là “Công ty X”) đã ký Hợp đồng tín dụng số 2200-LAV-201004903 ngày 09/04/2013 với nội dung sau: Tổng hạn mức tín dụng được cấp: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng Việt Nam). Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng. Thời hạn hiệu lực HMTD: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Mục đích cho vay: Vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mức lãi suất: Áp dụng lãi suất theo từng lần nhận nợ, thay đổi theo thỏa thuận trên Giấy nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Thực hiện các Hợp đồng tín dụng trên, NBank Chi nhánh Hà Tây đã nhiều lần giải ngân cho Công ty X vay tiền, tổng số tiền giải ngân là 6.000.000.000đ. Công ty X đã nhận đủ số tiền vay. Dư hạn nợ gốc mỗi lần giải ngân không quá 4.000.000.000đ.

\* Tài sản thế chấp hiện như sau: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị O tại địa chỉ: Khu X, Phường P, Quận H, Hà Nội, diện tích đất 90m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 586259; do UBND thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 19/09/2003. Giá trị tài sản thế chấp được định giá là: 5.730.000.000 đồng; Phạm vi nghĩa vụ gốc tiền vay được bảo đảm: 4.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 8829, quyển 05.2010-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2010. Tài sản trên đã được thế chấp, đăng ký thế chấp ngày 28.12.2010.

Quá trình kể từ khi vay vốn cho đến nay, Công ty X đã trả được 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) tiền gốc và 165.500.000đ (một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Sau đó Công ty X đã không trả thêm khoản nào nữa, mặc dù phía ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, làm việc trực tiếp với khách hàng và bên thế chấp bằng nhiều biên bản làm việc, thông báo có trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ/trả nợ thay, tuy nhiên Công ty X và bên thế chấp đều không hợp tác, không thực hiện đúng cam kết với Ngân hàng.

Hiện, tổng dư nợ gốc và lãi Công ty X còn nợ tạm tính đến ngày 30/04/2020 là 8.308.150.304 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ, ba trăm linh tám triệu, một trăm năm mươi nghìn, ba trăm linh bốn đồng chẵn). Trong đó:

- Số nợ gốc: 4.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ đồng chẵn)\
- Tổng lãi tạm tính đến ngày 30/04/2020 là 4.308.150.304 đồng, trong đó:
  - + Số nợ lãi trong hạn: 3.061.034.817 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, không trăm sáu mươi một triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn, tám trăm mười bảy đồng chẵn)
  - + Số nợ lãi quá hạn: 1.247.115.487 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm mười lăm nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đồng chẵn).

Toàn bộ các khoản nợ trên của Công ty X là nợ xấu.

Nay ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty X phải thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng toàn bộ số tiền như đã nêu trên, tiếp tục chịu lãi, phí phạt phát sinh từ ngày 30/4/2020 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay.

Trường hợp Công ty X không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng như đã nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên và phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và quyền tài sản nói trên theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì Công ty X phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng.

\* **Đối với Công ty X:** mặc dù được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được ý kiến, tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị O trình bày:** ông bà có kí hợp đồng thế chấp cho Công ty X vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn. Tuy nhiên, ông bà không sử dụng tiền vay và không có liên quan gì đến việc vay nợ của công ty X. Mặc dù vậy, ông Đ và bà O cũng đưa ra nhiều phương án trả nợ nhưng ngân hàng không đồng ý.

**Tại phiên toà hôm nay:** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu và không bổ sung ý kiến gì. Đề nghị Tòa án tuyên: Buộc Công ty X có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ theo hợp

đồng tín dụng ngắn hạn số 2200-LAV-201004903 ngày 09/04/2013 và các Giấy nhận nợ tính đến ngày 30.12.2021 là 9.457.548.611đ (chín tỉ bốn trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm mười một đồng), trong đó số tiền gốc phải trả là 4.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỉ đồng), lãi phải trả tính đến ngày 30.12.2021 là 5.457.548.611đ (năm tỉ bốn trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm mười một đồng) và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng N.

Trong trường hợp Công ty X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng. Trong trường hợp số tiền phát mại, thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng N thì Công ty X phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

\* Ông Nguyễn Văn Đ có mặt và không đưa ra phương án hòa giải nào khác vì ông cho rằng gia đình ông không sử dụng khoản tiền vay của anh A. Khi anh A vay cho công ty thì anh A sử dụng toàn bộ khoản tiền vay của ngân hàng. Gia đình ông hiện nay không có khả năng trả nợ. Đề nghị tòa án xét xử bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông. Về nguồn gốc tài sản thế chấp là do ông được mẹ ông là bà Vũ Thị Đông tặng cho ông đất, sau đó vợ chồng ông cùng bỏ tiền ra để xây dựng nhà như hiện nay.

Mặc dù đã được ngân hàng tạo điều kiện, Hội đồng xét xử phân tích và động viên nhưng ông Đức không đồng ý hòa giải.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Đề nghị:*** Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả nguyên đơn tiền án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

\* *Về quan hệ pháp luật:* Công ty X và Ngân hàng N - chi nhánh Hà Tây đã xác lập giao dịch dân sự thông qua việc kí kết Hợp đồng tín dụng số 2200-LAV-201004903 ngày 09/04/2013 nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

\* *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện:*

Tranh chấp trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng số 2200-LAV-201004903 ngày 09/04/2013. Tại hợp đồng tín dụng có điều khoản về giải quyết tranh chấp là nơi bên A đóng trụ sở. Ngân hàng NBank – chi nhánh Hà Tây có trụ sở tại Lô Cc-02, Khu Đô Thị M, Phường M, Quận H, Thành Phố Hà Nội. Vì vậy, tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo loại việc, theo cấp toà án và theo lãnh thổ quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty X vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về việc đòi tiền cho vay Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, xác định vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

\* *Về thủ tục tố tụng khác:* Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có đề nghị gì về việc đưa thêm người vào tham gia tố tụng khi Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không xét.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

\* *Về hiệu lực của hợp đồng:* Công ty X và Ngân hàng N - chi nhánh Hà Tây đã xác lập giao dịch dân sự thông qua việc kí kết hợp đồng tín dụng số 2200-LAV-201004903 ngày 09/04/2013 và các Giấy nhận nợ. Việc kí kết hợp đồng và Giấy nhận nợ trên là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

\* *Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn:*

Sau khi ký kết hợp đồng, ngân hàng đã nhiều lần giải ngân cho Công ty X, tổng số tiền đã giải ngân là 6.000.000.000đ (Sáu tỉ đồng). Công ty X đã nhận đủ số tiền để sử dụng và đã trả được 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) tiền gốc và 165.500.000đ (một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi. Sau đó, Công ty X không thanh toán tiếp cho Ngân hàng theo thỏa thuận nên đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng khởi kiện buộc Công ty X phải thanh toán trả số tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỉ đồng đồng) theo hợp đồng tín dụng số 2200-LAV-201004903 ngày 09/04/2013 và các Giấy nhận nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

\* *Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn:* Nguyên đơn yêu cầu Công ty X phải trả số tiền nợ lãi (tính đến ngày 30.12.2021) trong hạn là 3.828.541.667đ (ba tỉ tám trăm hai mươi tám triệu năm trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), quá hạn là 1.629.006.944đ (một tỉ sáu trăm hai mươi chín triệu sáu nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng). Tổng là 5.457.548.611đ (năm tỉ bốn trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm mười một đồng).

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và các văn bản khác đã ký kết, hai bên đã tự nguyện thỏa thuận ký kết mức lãi suất cho vay theo Giấy nhận nợ theo nguyên tắc lãi suất biến đổi được áp dụng theo quy định của Ngân hàng công bố từng thời kì. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất thỏa thuận.

Tại khoản 2 điều 90 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.* Việc Công ty X tự nguyện ký kết hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với các điều 388, 389, 390, 391, 402, 405 và 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 91, 95 và 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, do vậy buộc Công ty X phải trả số tiền nợ lãi (tính đến ngày 30.12.2021) là 5.457.548.611đ (năm tỉ bốn trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm mười một đồng) là có căn cứ và được chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn xin rút toàn bộ phần lãi phạt. Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tính đến ngày 30.12.2021 là 9.457.548.611đ (chín tỉ bốn trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm mười một đồng).

Công ty X tiếp tục trả lãi suất theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ và các văn bản khác đã ký kết kèm theo cho đến khi Công ty X thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng.

*\* Về yêu cầu kê biên phát mại tài sản đảm bảo của nguyên đơn:*

Nguyên đơn đề nghị tòa án tuyên: Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng. Cụ thể là: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị O tại địa chỉ: Khu X, Phường P, Quận H, Hà Nội, diện tích đất 90m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 586259; do UBND thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 19/09/2003. Giá trị tài sản thế chấp được định giá là: 5.730.000.000 đồng; Phạm vi nghĩa vụ gốc tiền vay được bảo đảm: 4.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 8829, Quyền 05.2010-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2010. Tài sản trên đã được thế chấp, đăng ký thế chấp ngày 28.12.2010.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ có mặt tại phiên tòa không đưa ra phương án hòa giải nào và không đưa ra tài liệu chứng cứ nào mới.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: có đủ căn cứ xác định các thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp các bên tự ký kết có hiệu lực thi hành. Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ là có căn cứ và được chấp nhận theo đúng nội dung của hợp đồng thế chấp.

*\* Về án phí và quyền kháng cáo:* Công ty X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 35, Điều 39, 147, 177, 220, khoản 2 các điều 227, 235, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 110, 160, 301, 317, 318, 323, 342, 343, 350, 351, 426, 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ - CP ngày 29.12.2006 đã được sửa đổi theo nghị định 11/2012/ của Chính Phủ về giao dịch đảm bảo;

Căn cứ Quyết định 1627/2001/QĐ - NHNN ngày 31.12.2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng;

Căn cứ Nghị định số 75/2000/ NĐ - CP ngày 8.12.2000 của Chính Phủ về công chứng, chứng thực;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Mục I, Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty X.
2. Buộc Công ty Cổ phần X có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2200-LAV-201004903 ngày 09/04/2013 và các Giấy nhận nợ tính đến ngày 30.12.2021 là 9.457.548.611đ (chín tỉ bốn trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm mười một đồng), trong đó số tiền gốc phải trả là 4.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỉ đồng), lãi phải trả tính đến ngày 30.12.2021 là 5.457.548.611đ (năm tỉ bốn trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm mười một đồng).
3. Buộc Công ty Cổ phần X phải tiếp tục trả số tiền nợ lãi tính theo lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng số 2200-LAV-201004903 ngày 09/04/2013 và các Giấy nhận nợ kể từ ngày 31.12.2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng N.
4. Trong trường hợp Công ty X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng. Cụ thể là: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hộ ông Nguyễn Văn Đ tại địa chỉ: Khu X, Phường P, Quận H, Hà Nội, diện tích đất 90m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 586259; do UBND thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (cũ) cấp ngày 19/09/2003 theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 8829, Quyền 05.2010-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2010. Tài sản trên đã được thế chấp, đăng ký thế chấp ngày 28.12.2010.



5. Trong trường hợp số tiền phát mại, thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng N thì Công ty Cổ phần X phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

6. Về án phí:

Công ty Cổ phần X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 117.457.549đ (một trăm mười bảy triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí **58.100.000 đồng (Năm mươi tám triệu một trăm nghìn đồng)** đã nộp tại biên lai số 0009073 ngày 08.06.2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

8. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội.;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;
- Đương sự
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Diệp Linh**

